TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2019/HNGĐ-ST Ngày 08-10-2019 V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Vương Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 297/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 438/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 484/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bạch Thị H; nơi cư trú: Số 02 T1/220 T.H, phường T.C, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Khổng Minh T; nơi cư trú: Số 150 M.H.X, phường D.H.K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/6/2019 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bạch Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Khổng Minh T từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình

vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm đầu, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không phù hợp, ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, song mâu thuẫn ngày càng lớn, mặc dù đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều song không có kết quả,vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, làm ảnh hưởng đến gia đình, con cái. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, nên hai bên đã sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà Huyền đề nghị Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Khổng Minh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Khổng Bảo M, sinh ngày 07/8/201A. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Tuân phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Khổng Minh T vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, song ông T không đến Tòa án theo giấy triệu tập; thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Khổng Minh Tuân cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự; bị đơn đã không chấp hành các quy định về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 BLTTDS tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Bạch Thị H được ly hôn Ông Khổng Minh T; về nuôi con chung: Giao con chung là Khổng Bảo M, sinh ngày 07 tháng 8 năm 201A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tiền cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về chia tài sản: Bà Huyền không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn thể hiện ông Khổng Minh T có nơi cư trú tại: Số 150 M.H.X, phường D.H.K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa bà Bạch Thị H và ông Khổng Minh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Khổng Minh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, cho thấy ông T đã tự từ bỏ quyền cũng như nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Bởi vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Khổng Minh T.

[3] Về hôn nhân: Bà Bạch Thị H, sinh năm 197B và ông Khổng Minh T, sinh năm 196C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 28/9/2015. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

[4] Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên bà H đề nghị tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần song ông T không đến Tòa án để giải quyết theo giấy triệu tập; thông báo hòa giải của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông T thiếu thiện chí trong việc hòa giải nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng, bỏ mặc tình trạng hôn nhân ngày càng xấu đi. Qua điều tra xác minh thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T thực sự trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, bởi vậy yêu cầu của bà H xin được ly hôn với ông T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, phù hợp với qui định tại các điều 51, 56 Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Khổng Bảo M, sinh ngày 07 tháng 8 năm 201A. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Khổng Bảo M còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện đang do bà H chăm sóc và nuôi dưỡng; bà H có công việc và thu nhập ổn định. Bởi vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà H là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với thực tế và phù hợp với qui định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con tạm thời không đặt ra.

[6] Về chia tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc chia tài sản giữa hai bên.

[7] Về án phí: Bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bạch Thị H và ông Khổng Minh T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Khổng Bảo M, sinh ngày 07 tháng 8 năm 201A cho bà Bạch Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con tạm thời không đặt ra.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Bạch Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0013295 ngày 02 tháng 7 năm 2019. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Quận Lê Chân;
- THADS Quận Lê Chân;
- UBND p. Trại Cau, Q.Lê Chân,TP. Hải Phòng (GCNKH 28/9/2015);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phong Lan